TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B - TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2023/DS-ST
Ngày: 22/12/2023
V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Bích Vân
2. Bà Hà Thị Dung

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2023/TLST - DS ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2023/QĐST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2023/QĐST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Mai Hữu Đ, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ1, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 01 năm 2023, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Mai Hữu Đ trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ông Đ có cho bà Đ1 vay tiền nhiều lần. Ngày 08/7/2022 cho vay 10.000.000 đồng thời hạn thanh toán vào ngày 08/8/2022, ngày 14/7/2022 cho vay 10.000.000 đồng thời hạn thanh toán vào ngày 14/8/2022, ngày

26/7/2022 cho vay 30.000.000 đồng thời hạn thanh toán vào ngày 26/9/2022, ngày 31/7/2022 cho vay 20.000.000 đồng thời hạn thanh toán vào ngày 31/9/2022, ngày 26/8/2022 cho vay 30.000.000 đồng thời hạn thanh toán vào ngày 11/9/2022; tổng cộng số tiền mà ông Đ cho bà Đ1 vay là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Khi vay tiền hai bên có lập giấy cho mượn tiền, thời gian vay khoản một đến hai tháng sẽ trả tiền, khi vay không có lãi suất. Đến thời hạn thanh toán thì bà Đ1 không có trả tiền cho ông Đ theo thỏa thuận. Ông Đ cũng nhiều lần gặp bà Đ1 yêu cầu trả tiền nhưng bà Đ1 cứ hứa hẹn mà không thực hiện. Do đó, ông Đ khởi kiện đến tòa án yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, ông Mai Hữu Đ yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc Đ1 có nghĩa vụ trả cho ông Đ số tiền vay là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Đ1 vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nhận thấy trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự . Tại phiên tòa, nhận thấy thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các điều 463, 466 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, buộc bà Đ1 có nghĩa vụ trả cho ông Đ số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), ghi nhận sự tự nguyện của ông Đ không yêu cầu tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Đ1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Ngọc Đ1.

[2] Về nội dung: nguyên đơn ông Mai Hữu Đ yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Đ1 có nghĩa vụ trả cho ông Đ số tiền nợ vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Đ có cho bà Đ1 vay tiền nhiều lần, tổng cộng 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) cụ thể: Ngày 08/7/2022 cho vay 10.000.000 đồng thời hạn thanh toán vào ngày 08/8/2022, ngày 14/7/2022 cho vay 10.000.000 đồng thời hạn thanh toán vào ngày 14/8/2022, ngày 26/7/2022 cho vay 30.000.000 đồng thời hạn thanh toán vào ngày 26/9/2022, ngày 31/7/2022 cho vay 20.000.000 đồng thời hạn thanh toán vào ngày 31/9/2022, ngày 26/8/2022 cho vay 30.000.000 đồng thời hạn thanh toán vào ngày 11/9/2022. Khi vay hai bên có lập "giấy cho mượn tiền" bà Đ1 có ký và ghi họ tên, khi vay không có thỏa thuận lãi suất. Chữ ký và viết họ tên "Nguyễn Thị Ngọc Đ1" tại vị trí "Bên B" của các " giấy cho mượn tiền" vào các ngày 08/7/2022, ngày 14/7/2022, ngày 26/7/2022, ngày 31/7/2022, ngày 26/8/2022 là của bà Nguyễn Thị Ngọc Đ1 phù hợp với Kết luận giám định số 709/2023/KL-KTHS ngày 25/9/2023 của công an tỉnh B. Bị đơn bà Đ1 đã được Toà án tống đạt Văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà Đ1 không làm bản tự khai nộp cho Tòa án thể hiện ý kiến phản hồi của bà Đ1 đối với các yêu cầu và căn cứ ông Đ khởi kiện và không tham gia tố tụng. Từ những phân tích trên, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Bà Đ1 có vay tiền và hiện nay còn nợ ông Đ số tiền vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) chưa thanh toán; ông Đ khởi kiện yêu cầu bà Đ1 có nghĩa vụ trả số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) là có căn cứ, đúng theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Ông Đ tự nguyện không yêu cầu tính lãi suất được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Chi phí tố tụng (trưng cầu giám định): 2.340.000đ (Hai triệu, ba trăm bốn mươi nghìn đồng) do yêu cầu của ông Đ được chấp nhận nên bà Đ1 có nghĩa vụ chịu. Do ông Đ đã tạm ứng nên bà Đ1 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Đ 2.340.000đ (Hai triệu, ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

[5] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 100.000.000 đồng x 5% = 5.000.000đ (Năm triệu đồng) do yêu cầu khởi kiện của ông Đ được chấp nhận nên bà Đ1 có nghĩa vụ nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Hữu Đ. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Đ1 có nghĩa vụ trả cho ông Mai Hữu Đ số tiền vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Chi phí tố tụng: 2.340.000đ (Hai triệu, ba trăm bốn mươi nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Ngọc Đ1 có nghĩa vụ chịu. Bà Đ1 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Đ số tiền 2.340.000đ (Hai triệu, ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 5.000.000đ (Năm triệu đồng) bà Nguyễn Thị Ngọc Đ1 có nghĩa vụ nộp.

Hoàn trả cho ông Mai Hữu Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đ (Hai triệu, năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, án phí số 0001335 ngày 01/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND huyện B;*
- *THADS huyện B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Văn Long